

Số: **550**/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày **08** tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án:
Khắc phục sự cố sạt lở, hậu quả thiên tai đường Tỉnh lộ 1 đoạn qua xã
Quảng Tâm, huyện Tuy Đức**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 28 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy
định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về
quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ
quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và
bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của
Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ
quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính
phủ phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại
khoáng sản thời kỳ 2021 ÷ 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 của Bộ Xây dựng
hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày
26/1/2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng
hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng
ban hành định mức xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng
quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý
hoạt động đầu tư xây dựng;*

Căn cứ Quyết định số 1739/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ từ nguồn dự phòng Ngân sách Trung ương năm 2023 cho một số địa phương khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở;

Căn cứ Thông báo số 2176-TB/TU ngày 6/2/2024 của Tỉnh ủy Đắk Nông về ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy về chủ trương phân bổ kinh phí Trung ương hỗ trợ có mục tiêu;

Căn cứ Thông báo số 12/TB-HĐND ngày 27/2/2024 của HĐND tỉnh Đắk Nông về Kết luận Phiên họp thứ 45 Thường trực HĐND tỉnh Khóa IV;

Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 04/3/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc bổ sung dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2024 để thực hiện khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Xét Công văn số 560/SGTVT-KT&KCHT ngày 24/4/2024 của Sở Giao thông vận tải về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Khắc phục sự cố sạt lở, hậu quả thiên tai đường Tỉnh lộ 1 đoạn qua xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 27/TTr-SGTVT ngày 24 tháng 4 năm 2024 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Khắc phục sự cố sạt lở, hậu quả thiên tai đường Tỉnh lộ 1 đoạn qua xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Khắc phục sự cố sạt lở, hậu quả thiên tai đường Tỉnh lộ 1 đoạn qua xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức, với các nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Khắc phục sự cố sạt lở, hậu quả thiên tai đường Tỉnh lộ 1 đoạn qua xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Đức.

4. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Cải tạo, nâng cấp đường xã hiện trạng để điều chỉnh cục bộ hướng tuyến đoạn Km23+064 ÷ Km27+330, nhằm khắc phục hư hỏng do hậu quả thiên tai gây ra đối với đoạn Km25+100 ÷ Km25+950 - Tỉnh lộ 1, nhằm đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn trên tuyến Tỉnh lộ 1, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

5. Nhóm dự án: Nhóm B.

6. Quy mô đầu tư xây dựng:

Đầu tư cải tạo, nâng cấp đường xã hiện trạng để đi tránh tuyến đoạn Km23+064 ÷ Km27+330 - Tỉnh lộ 1, với quy mô như sau:

- Cấp thiết kế: Đường cấp III - Miền núi;

- Quy mô mặt cắt ngang: Nền đường rộng $B_{nền} = 9\text{m}$; trong đó mặt đường rộng $B_{mặt} = 6\text{m}$ và lề đường rộng $B_{lề} = 1,5\text{m} \times 2 \text{ bên} = 3\text{m}$;

- Vận tốc thiết kế: 60 Km/h;
- Chiều dài tuyến: Khoảng 4,35Km;
- Tải trọng trục thiết kế đối với mặt đường: 10T;
- Tải trọng thiết kế đối với công trình thoát nước: HL93;
- Tần suất tính toán thủy văn đối với nền đường, công trình thoát nước: P = 4%;
- Mặt đường: Mặt đường cấp cao A₁ (mặt đường bê tông nhựa).

7. Nhà thầu tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi:

7.1. Nhà thầu khảo sát: Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Chí Tâm. Địa chỉ 54 Trần Khánh Dư, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

7.2. Nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Vạn Tường. Địa chỉ 57 Lê Hồng Phong, phường Nghĩa Phú, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

8. Địa điểm xây dựng: Huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

9. Loại, cấp công trình:

9.1. Loại công trình: Công trình giao thông đường bộ.

9.2. Cấp công trình: Cấp III.

9.3. Hình thức đầu tư: Cải tạo, nâng cấp (để khắc phục hậu quả thiên tai).

10. Số bước thiết kế: Thiết kế 02 bước (Thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công - dự toán).

11. Quy chuẩn, Tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng:

- TCCS 31:2020/TCĐBVN: Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát;
- TCCS số 38:2022/TCĐBVN: Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;
- TCVN 9398:2012: Công tác trắc địa trong xây dựng công trình;
- TCVN 8820:2011: Hỗn hợp bê tông nhựa nóng - Thiết kế theo phương pháp Marshall;
- TCVN 4054:2005: Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 9436:2012: Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 8859:2023: Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 13567:2022: Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 4453:1995: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối - Phạm vi thi công và nghiệm thu;

- TCVN 9115:2019: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 8791:2011: Sơn tín hiệu giao thông - Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo - Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm thu;
- QCVN 41:2019/BGTVT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ;
- Các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn kỹ thuật và các quy trình, quy phạm hiện hành có liên quan.

12. Nội dung và giải pháp thiết kế chủ yếu:

Trên cơ sở tuyến đường hiện trạng và số liệu khảo sát đã được nghiệm thu; thiết kế cải tạo, nâng cấp tuyến đường đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật của đường cấp III - Miền núi theo phương án chọn (*Phương án 1 theo hồ sơ trình duyệt*), với các nội dung chủ yếu như sau:

12.1. Hướng tuyến:

Điều chỉnh cục bộ hướng tuyến đoạn Km23+064 ÷ Km27+330 đảm bảo theo hướng tuyến tổng thể Tỉnh lộ 1 theo quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ; tim tuyến đường được thiết kế cơ bản trùng với đường hiện trạng (*một phần là đường xã DX.17 và DX.18 theo quy hoạch phát triển giao thông vận tải huyện Tuy Đức đã được phê duyệt tại Quyết định số 1685/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của UBND tỉnh Đắk Nông*).

12.2. Bình đồ:

- Tuyến được thiết kế cơ bản theo đường hiện trạng, chỉ điều chỉnh cục bộ tại một số vị trí nhằm đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật của đường cấp III - Miền núi. Bình đồ được thiết kế với 18 lần chuyển hướng, bán kính đường cong nằm nhỏ nhất $R_{\min} = 125\text{m}$, đảm bảo chỉ tiêu kỹ thuật của cấp đường;

- Điểm đầu tuyến giao với Tỉnh lộ 1 tại Km23+064, điểm cuối tuyến giao với Tỉnh lộ 1 tại Km27+330;

- Các nút giao được thiết kế nút giao đồng mức, dạng đơn giản.

12.3. Trắc dọc:

Trắc dọc được thiết kế chủ yếu theo phương pháp đường bao, có kết hợp với phương pháp đường cắt, nhằm giảm khối lượng đào đắp, giảm chi phí đầu tư và cải thiện độ dốc dọc. Độ dốc dọc lớn nhất được thiết kế $i_{\max} = 7\%$, đảm bảo chỉ tiêu kỹ thuật của cấp đường.

12.4. Trắc ngang:

- Nền đường rộng $B_{\text{nền}} = 9\text{m}$, trong đó: Mặt đường rộng $B_{\text{mặt}} = 6\text{m}$; lề đường rộng $B_{\text{lề}} = 1,5\text{m} \times 2 \text{ bên} = 3\text{m}$ (*chưa tính phần mở rộng trong đường cong*);

- Độ dốc ngang mặt đường $i_m = 2\%$; độ dốc ngang lề đường $i_{\text{lề}} = 2\%$ (*đối với phạm vi 01m lề đường tính từ mép mặt đường được gia cố với kết cấu giống kết cấu áo đường*) và $i_{\text{lề}} = 4\%$ (*đối với phạm vi lề còn lại*).

12.5. Kết cấu áo đường:

Thiết kế kết cấu áo đường với thứ tự các lớp từ trên xuống như sau:

- Bê tông nhựa chặt C12,5, dày 05cm;
- Tưới nhựa dính bám, TCN 0,5Kg/m²;
- Bê tông nhựa chặt C19, dày 07cm;
- Tưới nhựa thấm bám, TCN 01Kg/m²;
- Lớp cấp phối đá dăm loại I D_{max}25, dày 18cm, lu lèn đảm bảo độ chặt $K_{yc} \geq 0,98$;
- Lớp cấp phối đá dăm loại II D_{max}37,5, dày 35cm, lu lèn đảm bảo độ chặt $K_{yc} \geq 0,98$ (chia thành 2 lớp để thi công).

12.6. Lê đường:

Phạm vi 01m lê đường tính từ mép mặt đường được gia cố với kết cấu giống kết cấu áo đường như nêu tại Mục 1.4 Phần III ở trên; phạm vi 0,5m lê đường còn lại được đắp bằng cấp phối tự nhiên, lu lèn đảm bảo độ chặt $K_{yc} \geq 0,95$ (riêng đối với các đoạn có thiết kế rãnh dọc gia cố bằng tấm đan bê tông xi măng hoặc rãnh U bê tông cốt thép, lê đường được gia cố bằng lớp bê tông xi măng đá 1x2 M250 dày 12cm trên lớp cấp phối đá dăm loại I D_{max}25 dày 18cm).

12.7. Nền đường:

- Đối với nền đường đắp: Lu lèn đảm bảo độ chặt $K_{yc} \geq 0,98$ trong phạm vi 30cm tính từ đáy kết cấu áo đường trở xuống; các lớp tiếp theo lu lèn đảm bảo độ chặt $K_{yc} \geq 0,95$;
- Đối với nền đường đào và nền đường không đào không đắp: Lu xử lý nền đường đảm bảo độ chặt $K_{yc} \geq 0,98$ trong phạm vi 30cm tính từ đáy áo đường xuống;
- Đối với đoạn nền đường đào sâu (chiều cao mái taluy > 8m), thiết kế giạt cấp mái taluy nền đường tạo thành các cơ, bề rộng cơ 2m, độ dốc cơ 10% hướng vào mái taluy;
- Đối với đoạn nền đường đắp cao (chiều cao mái taluy > 6m), thiết kế nền đường đắp tạo thành các bậc thêm rộng 2m, độ dốc bậc thêm 10% hướng vào mái taluy;
- Hệ số mái dốc ta luy nền đường đào 1/1; mái dốc ta luy nền đắp 1/1,5.

12.8. Công trình thoát nước:

12.8.1. Rãnh thoát nước:

- Đối với các đoạn tuyến qua khu vực đông dân cư và tại nút giao với các đường nhánh, đường dân sinh: Thiết kế rãnh chữ U bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M250 đúc sẵn, lắp ghép, tiết diện lòng rãnh (60x60)cm, tấm đan rãnh bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M250 đúc sẵn lắp ghép;
- Đối với các đoạn tuyến có độ dốc dọc $i_{dọc} \geq 4\%$, thiết kế rãnh gia cố bằng tấm đan bê tông xi măng đá 1x2 M200 đúc sẵn, lắp ghép, đáy rãnh bằng bê tông xi

mãng đá 1x2 M200 đổ tại chỗ trên lớp đá dăm đệm dày 05cm, kích thước rãnh (40x40x120)cm;

- Đối với các đoạn tuyến còn lại: Thiết kế rãnh đào trần hình thang, kích thước rãnh (40x40x120)cm.

12.8.2. Cống thoát nước:

- Cống thoát nước ngang dạng cống bản khẩu độ $L_0 = 80$ cm: Thân cống, tường đầu, tường cánh, hố thu, sân cống, chân khay sân cống bằng bê tông xi măng đá 1x2 M200 đổ tại chỗ trên lớp đá dăm đệm dày 05cm; tấm bản cống bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M250 đúc sẵn, lắp ghép;

- Cống thoát nước ngang dạng cống hộp 2x(350x350)cm: Thân cống bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M300 đổ tại chỗ; móng cống, tường đầu, tường cánh, chân khay, sân cống bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M200 đổ tại chỗ, trên lớp đá dăm đệm dày 5cm; mái taluy thượng, hạ lưu cống được gia cố bằng lớp bê tông lưới thép đá 1x2 M200 dày 10cm, trên lớp đá dăm đệm dày 05cm.

12.8.3. Mương dẫn dòng hạ lưu cống thoát nước:

Thiết kế mương dẫn dòng tại hạ lưu một số cống thoát nước ngang đường: Mương dẫn dạng chữ U, tiết diện lòng mương (80x120)cm, mương bằng bê tông xi măng đá 1x2 M200 đổ tại chỗ trên lớp đá dăm đệm dày 05cm, thành giằng bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M250 đổ tại chỗ.

12.9. Công trình phòng hộ:

- Đối với các đoạn nền đường đào sâu (có thiết kế giạt cơ mái taluy): Thiết kế gia cố bề mặt cơ bằng lớp bê tông xi măng 1x2 M200, dày 07cm, đổ tại chỗ trên lớp đá dăm đệm dày 05cm; thiết kế bậc nước bằng bê tông xi măng đá 1x2 M200 đổ tại chỗ để dẫn nước từ rãnh cơ xuống hệ thống thoát nước dọc trên tuyến;

- Đối với các đoạn nền đường đắp cao (có thiết kế các bậc thềm): Mái taluy được gia cố bằng tấm ốp hờ bê tông cốt thép đá 1x2 M200 đúc sẵn, lắp ghép, có lỗ trồng cỏ; bề mặt bậc thềm bằng lớp bê tông xi măng 1x2 M200, dày 07cm, đổ tại chỗ trên lớp đá dăm đệm dày 05cm; thiết kế bậc nước bằng bê tông xi măng đá 1x2 M200 đổ tại chỗ để dẫn nước từ rãnh cơ xuống hệ thống thoát nước dọc trên tuyến;

- Đối với đoạn tuyến có nền đường đào sâu và có các công trình kiến trúc trên phạm vi nền tự nhiên trên đỉnh mái taluy, để giảm khối lượng đào và tăng tính ổn định nền đường, an toàn cho các công trình kiến trúc, thiết kế tường chắn trọng lực bằng bê tông xi măng đá 2x4, M200 đổ tại chỗ.

12.10. Hệ thống an toàn giao thông:

Thiết kế hệ thống an toàn giao thông theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

13. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư: Công trình được xây dựng chủ yếu trên cơ sở tuyến đường hiện hữu và có một phần chiếm dụng đất

mới, diện tích chiếm dụng đất mới khoảng 06ha. Chủ đầu tư tổ chức thực hiện công tác giải phóng mặt bằng theo quy định.

14. Tổng mức đầu tư: 90.000.000.000 đồng (*Chín mươi tỷ đồng*).

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	:	10.000.000.000	đồng
- Chi phí xây dựng	:	67.996.061.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án	:	1.474.761.000	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	4.190.739.000	đồng
- Chi phí khác	:	2.654.098.000	đồng
- Chi phí dự phòng	:	3.684.341.000	đồng

15. Nguồn vốn đầu tư: Tại Quyết định số 1739/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ từ nguồn dự phòng Ngân sách Trung ương năm 2023 cho một số địa phương khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở.

16. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án nếu đủ điều kiện năng lực. Trường hợp Chủ đầu tư không đủ năng lực để quản lý dự án thì được thuê cá nhân, tổ chức đủ điều kiện năng lực theo quy định để thực hiện.

17. Thời gian thực hiện: Năm 2024.

18. Thời hạn sử dụng công trình theo thiết kế:

- Thời hạn sử dụng công trình: Theo điểm 3.3.1 Mục 3.3 TCVN 4054 - 2005, thời hạn sử dụng công trình theo thiết kế đối với đường cấp III là 15 năm;

- Thời hạn sử dụng tầng mặt: Theo Bảng 2 TCCS 38:2022, thời hạn sử dụng đối với mặt đường cấp cao A₁ theo thiết kế ≥ 10 năm.

** Để đảm bảo thời hạn sử dụng nêu trên, công trình phải được quản lý, bảo trì theo đúng quy định trong quá trình khai thác, sử dụng.*

Điều 2: Trách nhiệm thực hiện.

1. UBND huyện Tuy Đức, Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Đức:

- Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung ghi tại Điều 1 Quyết định này; quản lý đầu tư xây dựng công trình theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo chất lượng công trình, hiệu quả đầu tư của dự án và giải ngân hết vốn được giao theo kế hoạch.

- Quá trình tổ chức triển khai thực hiện, trường hợp phạm vi thực hiện dự án có chồng lấn với phạm vi quy hoạch khai thác bô xít được phê duyệt tại Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021÷2030, tầm nhìn đến năm 2050, trước khi triển khai thực hiện thì yêu cầu Chủ đầu tư phải thực hiện việc thu hồi, quản lý tài nguyên khoáng sản theo quy định tại điểm e khoản 7 Điều 2 Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ, tuân thủ quy định tại Luật Khoáng sản,

Luật Quy hoạch và các quy định khác có liên quan, bảo đảm không gây thất thoát tài nguyên khoáng sản theo quy định.

2. Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm về sự phù hợp về quy hoạch giao thông vận tải, tuân thủ quy định tại Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; chịu trách nhiệm về tính chính xác, pháp lý, việc áp dụng các tiêu chuẩn, định mức đối với các nội dung do đơn vị thẩm định, trình phê duyệt tại Công văn số 560/SGTVT-KT&KCHT ngày 24/4/2024 và Tờ trình số 27/TTr-SGTVT ngày 24/4/2024; tổ chức giám sát, theo dõi quá trình thực hiện dự án, bảo đảm dự án triển khai thực hiện tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành; bảo đảm chất lượng công trình, không để xảy ra các sự cố công trình trong quá trình thực hiện và đưa vào khai thác sử dụng.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; Chủ tịch UBND huyện Tuy Đức; Giám đốc Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Đức và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- TTHCC, Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KT ^(MNC)

3



Lê Trọng Yên